

KNOWLEDGE AND PRACTICES REGARDING HPV AND HPV VACCINATION FOR CERVICAL CANCER PREVENTION AMONG WOMEN VISITING HANOI MEDICAL UNIVERSITY HOSPITAL IN 2024

Nguyen Thi Thuy^{1*}, Luu Tuyet Minh^{1,2}, Tran Thi Thu Ha³, Dinh Thao Van¹

¹Hanoi Medical University - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Hanoi City, Vietnam

²Bach Mai Hospital - 78 Giai Phong, Kim Lien Ward, Hanoi City, Vietnam

³Hanoi Medical University Hospital - 1 Ton That Tung, Kim Lien Ward, Hanoi City, Vietnam

Received: 31/03/2025

Revised: 19/04/2025; Accepted: 09/07/2025

ABSTRACT

Objective: To describe the knowledge and practices regarding HPV vaccination and identify factors associated with knowledge about HPV vaccination for cervical cancer prevention among women visiting Hanoi Medical University Hospital in 2024.

Subjects and Methods: A cross-sectional study was conducted on 378 women aged 18 to 55 who visited the Obstetrics and Gynecology clinics at Hanoi Medical University Hospital.

Results: A total of 81.7% of participants had relatively good awareness of HPV and the HPV vaccine. However, misconceptions remained prevalent, especially regarding the self-clearance ability of HPV, with 96.8% misunderstanding this aspect. The HPV vaccination rate was low, at only 24.6%. Factors such as age, educational level, occupation, income, and access to information were significantly associated with knowledge about HPV and HPV vaccination.

Conclusion: Knowledge about HPV and vaccination practices among women at Hanoi Medical University Hospital is limited, with low vaccination rates. Strengthening health communication and education programs is critical to improving awareness and promoting HPV vaccination in the community.

Keywords: Cervical cancer, knowledge, practices, HPV, HPV vaccine.

*Corresponding author

Email: ngthithuy@hmu.edu.vn Phone: (+84) 988377268 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i4.2891>

Kiến thức, thực hành về HPV và tiêm vắc-xin HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung ở phụ nữ đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2024

Nguyễn Thị Thủy^{1*}, Lưu Tuyết Minh^{1,2}, Trần Thị Thu Hà³, Đinh Thảo Vân¹

¹Trường Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Tp. Hà Nội, Việt Nam

²Bệnh viện Bạch Mai - 78 Giải Phóng, P. Kim Liên, Tp. Hà Nội, Việt Nam

³Bệnh viện Đại học Y Hà Nội - 1 Tôn Thất Tùng, P. Kim Liên, Tp. Hà Nội, Việt Nam

Ngày nhận: 31/03/2025

Ngày sửa: 19/04/2025; Ngày đăng: 09/07/2025

ABSTRACT

Mục tiêu: Mô tả kiến thức, thực hành về việc tiêm vắc-xin HPV và một số yếu tố liên quan đến kiến thức tiêm vắc-xin HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung ở phụ nữ đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2024.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang được thực hiện trên 378 đối tượng là phụ nữ từ 18 - 55 tuổi đến khám tại các phòng khám Sản phụ khoa, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

Kết quả: 81,7% có nhận thức khá tốt về HPV và vắc-xin HPV, tuy nhiên vẫn còn nhiều quan niệm sai lầm, đặc biệt về khả năng tự khỏi của HPV (96,8% hiểu sai). Tỷ lệ tiêm vắc-xin HPV còn thấp, chỉ 24,6%. Các yếu tố như tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập và tiếp cận thông tin có liên quan đến kiến thức về HPV và tiêm vắc-xin HPV.

Kết luận: Kiến thức về HPV và tiêm vắc-xin HPV của phụ nữ đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội còn hạn chế và tỷ lệ tiêm vắc-xin HPV còn thấp. Cần tăng cường các chương trình truyền thông và giáo dục sức khỏe để nâng cao nhận thức và thúc đẩy thực hành tiêm chủng HPV trong cộng đồng.

Từ khóa: Ung thư cổ tử cung, kiến thức, thực hành, HPV, vắc-xin HPV.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Ung thư cổ tử cung (UTCTC) là một trong những bệnh ung thư phổ biến và nguy hiểm nhất ở phụ nữ, với virus Human Papillomavirus (HPV) là nguyên nhân chính gây ra hơn 90% trường hợp, đặc biệt là các type 16 và 18[1]. HPV rất dễ lây lan và hầu hết mọi phụ nữ đều có nguy cơ nhiễm phải. Tiêm vaccin ngừa ung thư cổ tử cung là một trong những biện pháp tốt nhất để ngừa bệnh ung thư cổ tử cung[1]. Tuy nhiên, tỷ lệ tiêm chủng vắc-xin HPV vẫn còn thấp. Một nghiên cứu trên nữ sinh viên Y Dược cho thấy chỉ 34.5% được tiêm đủ liều[2]. Một nghiên cứu khác tại Quận 10 TP.HCM cho thấy chỉ 21.4% phụ nữ có kiến thức về vắc-xin HPV[3]. Những yếu tố ảnh hưởng đến ý định tiêm chủng bao gồm nhận thức về tính an toàn của vắc-xin, niềm tin vào hiệu quả phòng bệnh, và các rào cản kinh tế - xã hội[1].

Hiện nay, số lượng nghiên cứu đánh giá kiến thức và thực hành tiêm vắc-xin HPV của phụ nữ tại Việt

Nam còn hạn chế, đặc biệt là tại các cơ sở y tế tuyến trung ương như Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Nhận thấy tầm quan trọng của việc nâng cao nhận thức và thực hành tiêm chủng HPV để giảm thiểu gánh nặng UTCTC, chúng tôi tiến hành nghiên cứu này nhằm đánh giá kiến thức, thực hành về HPV và tiêm vắc-xin HPV phòng ngừa ung thư cổ tử cung ở phụ nữ đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2024. Kết quả nghiên cứu sẽ cung cấp bằng chứng khoa học để xây dựng các can thiệp phù hợp, từ đó nâng cao tỷ lệ tiêm chủng HPV và góp phần giảm thiểu gánh nặng của UTCTC tại Việt Nam.

2. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là phụ nữ đến khám tại Bệnh

*Tác giả liên hệ

Email: ngthithuy@hmu.edu.vn Điện thoại: (+84) 988377268 <https://doi.org/10.52163/yhc.v66i4.2891>

viện Đại học Y Hà Nội

- **Tiêu chuẩn lựa chọn:** Phụ nữ từ 18 - 55 tuổi đến khám tại các phòng khám Sản phụ khoa, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Đối tượng không tự nguyện tham gia nghiên cứu, đang điều trị các bệnh lý phụ khoa tái khám nhiều lần hoặc đang mắc và điều trị UTCTC.

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

Nghiên cứu được tiến hành tại các phòng khám Sản phụ khoa của Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. Việc thu thập dữ liệu diễn ra từ ngày 1 tháng 9 năm 2024 đến ngày 31 tháng 10 năm 2024.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích

- **Cỡ mẫu:** Áp dụng công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

+ n: là cỡ mẫu nhỏ nhất cần thu thập.

+ $Z^2_{1-\alpha/2}$: là độ tin cậy 95% với $\alpha = 0,05$ thì $Z_{1-\alpha/2} = 1,96$.

+ p: Ước lượng tỷ lệ kiến thức, thực hành đạt của phụ nữ trong phòng bệnh UTCTC. Theo Trần Tú Nguyệt, tỷ lệ phụ nữ có kiến thức về tiêm phòng vắc xin HPV là 18,1%.[4]

+ d = 0,04 mức sai số tuyệt đối chấp nhận

=> Thay vào công thức, ta tính được cỡ mẫu n = 356. Thực tế chúng tôi đã phỏng vấn được 378 phụ nữ.

- **Phương pháp chọn mẫu:** Cỡ mẫu cho nghiên cứu sẽ được lựa chọn theo phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Tất cả các phụ nữ đến khám tại các phòng khám sản phụ khoa Bệnh viện ĐHYHN phù hợp với tiêu chuẩn lựa chọn sẽ được lựa chọn cho đến khi đủ cỡ mẫu.

2.4. Công cụ thu thập số liệu

Sử dụng bộ câu hỏi soạn sẵn, có điều chỉnh theo bộ câu hỏi của tác giả Nguyễn Thị Như Tú. Điều tra thử trên 30 phụ nữ không thuộc mẫu nghiên cứu và kiểm định độ tin cậy với hệ số Cronbach's alpha = 0,77; chỉnh sửa câu hỏi cho phù hợp trước khi tiến hành khảo sát chính thức.

Trong nghiên cứu gốc tác giả dùng điểm cắt 50% để phân loại kiến thức, thực hành đạt và không đạt, vì vậy trong nghiên cứu này chúng tôi cũng chọn điểm cắt 50% để đánh giá kiến thức, thực hành để có sự so sánh thống nhất và đồng bộ.[5] Nội dung kiến

thức bao gồm 6 câu hỏi (tối đa 8 điểm): Mỗi câu trả lời trong từng nội dung hỏi nếu trả lời đúng được tính điểm với cột tương ứng, nếu trả lời sai không có điểm. Phần thực hành tiêm chủng vắc-xin gồm 3 câu hỏi, đánh giá thực hành (đã tiêm, chưa tiêm) về vắc-xin phòng HPV trên đối tượng. Đối với đối tượng chưa tiêm, chúng tôi đánh giá thêm về lý do chưa/không tiêm vắc xin

2.5. Xử lý và phân tích số liệu.

Số liệu được nhập, làm sạch bằng phần mềm Excel và bằng xử lý phần mềm Stata 17.

Biến số định tính được mô tả bằng tần số và tỷ lệ (%).

Biến số định lượng được mô tả bằng giá trị trung bình, độ lệch chuẩn.

Phép kiểm lấy ngưỡng ý nghĩa thống kê với P-value < 0,05.

Phân tích hồi quy logistics đơn biến xác định yếu tố liên quan giữa kiến thức và các yếu tố với mức ý nghĩa là 0,05 và OR với khoảng tin cậy 95%.

2.6. Đạo đức nghiên cứu

Đối tượng tham gia nghiên cứu được giải thích rõ về mục đích, ý nghĩa của nghiên cứu, Các thông tin cá nhân của đối tượng nghiên cứu đều được giữ bí mật và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu. Nghiên cứu được thực hiện sau khi được sự đồng ý của Trường Đại học Y Hà Nội, Ban lãnh đạo Bệnh viện Đại học Y Hà Nội.

3. KẾT QUẢ

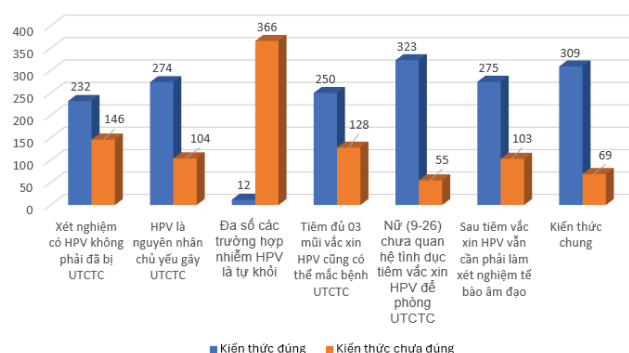
3.1. Kiến thức về phòng ung thư cổ tử cung

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu (N=378)

Đặc điểm nhân khẩu học		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Nhóm tuổi	Dưới 30 tuổi	131	34,66
	Từ 30 đến 49 tuổi	219	57,94
	Trên 50 tuổi	28	7,41
Tình trạng hôn nhân	Độc thân	80	21,16
	Đã kết hôn	268	70,90
	Ly hôn	20	5,29
	Góa	7	1,85
	Khác	3	0,79

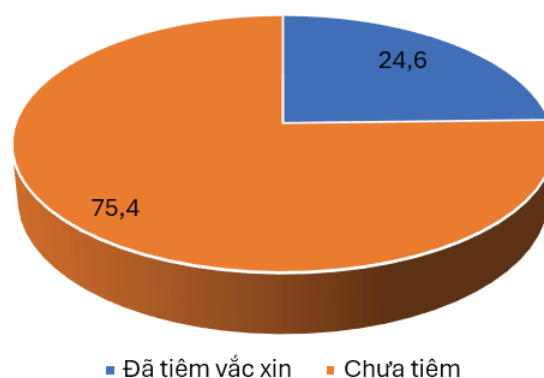
Đặc điểm nhân khẩu học		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Trình độ học vấn	Chưa/ đã học xong tiểu học	2	0,53
	Chưa/ đã học xong THCS	34	9,02
	Chưa/ đã học xong THPT	90	23,87
	Trung cấp	20	5,31
	Cao đẳng/Đại học	204	54,11
	Sau đại học	27	7,16
Nghề nghiệp	Công nhân	42	11,11
	Viên chức, công chức	145	38,36
	Làm nông	32	8,47
	Buôn bán, kinh doanh	103	27,25
	Nội trợ/ thất nghiệp	45	11,90
	Khác	11	2,91
Thu nhập	< 5 triệu VND	70	18,52
	5-10 triệu VND	171	45,24
	> 10 triệu VND	137	36,24
Tiếp cận truyền thông	Đã nghe	331	87,56
	Chưa nghe/ không nhớ	47	12,43

Phần lớn đối tượng nghiên cứu thuộc nhóm tuổi từ 30-49 tuổi (57,94%), đây là nhóm có nguy cơ cao tiếp xúc với HPV nhưng cũng có cơ hội tiêm phòng tốt nhất. Về tình trạng hôn nhân, tỷ lệ phụ nữ đã kết hôn chiếm ưu thế (70,90%), điều này phản ánh nhóm đối tượng đã có đời sống tình dục ổn định, do đó có nguy cơ cao nhiễm HPV nếu không có biện pháp bảo vệ. Trình độ học vấn cho thấy hơn 61% phụ nữ có trình độ từ cao đẳng trở lên, điều này có thể ảnh hưởng đến mức độ tiếp cận thông tin và hiểu biết về tiêm vắc-xin HPV.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ kiến thức về nhiễm HPV và tiêm vắc xin HPV

Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người tham gia có nhận thức khá tốt về HPV và tiêm vắc xin HPV (81,7%). Tuy nhiên, vẫn còn nhiều quan niệm sai lầm, đặc biệt là về khả năng tự khỏi của HPV (96,8% hiểu sai). Mặc dù 66,1% biết rằng tiêm đủ ba mũi vắc xin vẫn có nguy cơ mắc bệnh, nhưng vẫn còn 33,9% hiểu sai về hiệu quả bảo vệ của vắc xin. Tỷ lệ người có kiến thức đúng về việc cần tiếp tục xét nghiệm tế bào cổ tử cung sau khi tiêm vắc xin HPV là 72,7%.



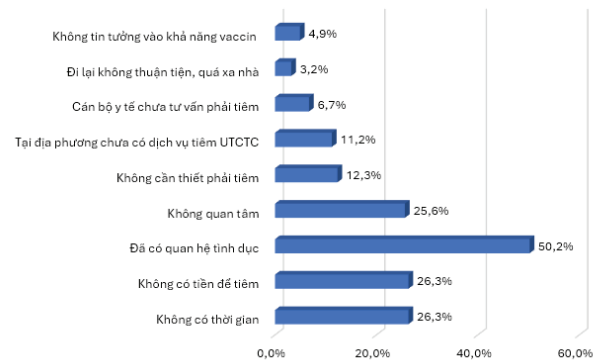
Biểu đồ 2. Tỷ lệ phụ nữ tiêm vắc xin phòng bệnh UTCTC (N=378)

Tỷ lệ phụ nữ tham gia nghiên cứu đã tiêm vắc xin phòng ung thư cổ tử cung (UTCTC) còn thấp. Chỉ 24,6% phụ nữ đã tiêm vắc xin, trong khi 75,4% chưa tiêm.

Bảng 2. Mối liên quan giữa yếu tố cá nhân với kiến thức về nhiễm HPV và tiêm vắc xin HPV (N=378)

Các yếu tố	Kiến thức		OR (95% CI)	P
	Không đạt n (%)	Đạt n (%)		
Nhóm tuổi				
Từ 30 tuổi trở lên	55 (22,3)	192 (77,7)	-	-
Dưới 30 tuổi	14 (10,7)	117 (89,3)	2,394 (1,275–4,496)	0,007
Trình độ học vấn				
Từ THCS trở xuống	11 (30,6)	25 (69,4)	-	-
Trên THCS	58 (17,0)	284 (83,0)	2,154 (1,004 -4,622)	0,049
Nghề nghiệp				
Nông dân	10 (31,3)	22 (68,7)	-	-
Công nhân/ Viên chức, công chức	21 (11,2)	166 (88,8)	3,593 (1,498–8,615)	0,004
Buôn bán, kinh doanh/ Nội trợ/ thất nghiệp	38 (23,9)	121 (76,1)	1,447 (0,630–3,325)	0,384
Thu nhập				
< 5 triệu VND	20 (28,99)	50 (16,18)	-	-
5-10 triệu VND	31 (44,93)	140 (45,31)	1,806 (0,945–3,454)	0,074
> 10 triệu VND	18 (26,09)	119 (38,51)	2,644 (1,291–5,418)	0,008
Nghe/xem/đọc thông tin về phòng UTCTC				
Đã nghe	45 (65,22)	286 (92,56)	-	-
Chưa nghe bao giờ	13 (18,84)	13 (4,21)	0,157 (0,069–0,361)	< 0,001

Kết quả phân tích cho thấy kiến thức về nhiễm HPV và tiêm vắc xin HPV chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố cá nhân như: tuổi, trình độ học vấn, nghề nghiệp, thu nhập, tiếp cận thông tin ($p < 0,05$).

**Biểu đồ 3. Lý do đối tượng nghiên cứu chưa tiêm vắc xin phòng bệnh UTCTC (N=378)**

Lý do khiến người dân không tiêm vắc xin HPV, phổ biến nhất là đã có quan hệ tình dục (50,2%), phản ánh quan niệm sai lầm về đối tượng cần tiêm. Các rào cản khác gồm không có tiền (26,3%), không có thời gian (26,3%), không quan tâm (25,6%) và cho rằng không cần thiết (12,3%), cho thấy nhận thức và tài chính là yếu tố quan trọng. Một số người gặp khó khăn do địa phương chưa có dịch vụ (11,2%) hoặc chưa được tư vấn (6,7%). Dù chỉ 4,9% không tin tưởng vào vắc xin, đây vẫn là vấn đề cần chú ý. Ngoài ra, đi lại không thuận tiện (3,2%) cũng ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận tiêm chủng.

4. BÀN LUẬN

Nghiên cứu cắt ngang trên 378 phụ nữ đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội cho thấy vẫn còn nhiều đối tượng thiếu kiến thức về tiêm vắc xin HPV phòng ngừa UTCTC, đặc biệt là về các quan niệm sai lầm liên quan đến khả năng tự khỏi của HPV và hiệu quả bảo vệ của vắc xin.

Kết quả của chúng tôi cho thấy 81,7% người tham gia có nhận thức khá tốt về HPV và tiêm vắc xin HPV. So với nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Tú (2019) kiến thức của phụ nữ về nhiễm HPV và tiêm vaccin HPV chỉ đạt 15,2%.[5] Sự khác biệt này có thể là do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là phụ nữ đến khám tại bệnh viện tuyến trung ương, có thể có trình độ học vấn và khả năng tiếp cận thông tin tốt hơn. Tuy nhiên, cần lưu ý rằng ngay cả trong nhóm đối tượng này, vẫn còn tồn tại nhiều quan niệm sai lầm, đặc biệt là về khả năng tự khỏi của HPV (96,8% hiểu sai).

Kết quả ở bảng 2 cho thấy kiến thức về tiêm vắc xin HPV phòng ngừa UTCTC của phụ nữ ở nhóm tuổi dưới 30 cao hơn nhóm tuổi trên 30 ($OR=2,4$), mối liên quan có ý nghĩa thống kê với $p=0,007$. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Trần Tú Nguyệt

khi phụ nữ ở nhóm tuổi 15-29 có tỷ lệ kiến thức về tiêm vắc xin HPV cao hơn nhóm tuổi 30-49 (OR=2,1). [4] Phụ nữ có trình độ học vấn từ THCS trở lên có tỉ lệ kiến thức đạt 83,0% cao hơn với trình độ từ THCS trở xuống 69,4% với OR=2,1, $p<0,001$. Tương tự trong nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Tú cũng cho thấy phụ nữ có trình độ học vấn từ trung cấp trở lên biết về các biện pháp phòng ngừa bệnh UTCTC cao gấp 4,5 lần so với phụ nữ học vấn thấp hơn.[5] Những người công chức và các nghề khác có hiểu biết về các biện pháp phòng bệnh UCTC cao hơn người nông dân từ 1,4 - 3,6 lần. Nghiên cứu Trần Xuân Bách cho thấy nhân viên văn phòng, sinh viên có tỷ lệ kiến thức đúng cao hơn nhóm còn lại.[6]

Tỷ lệ tiêm vắc xin HPV trong nghiên cứu của chúng tôi là 24,6%, cao hơn so với nghiên cứu của Trần Tú Nguyệt (5,4% phụ nữ đã tiêm vắc xin)[4] nhưng thấp hơn nghiên cứu của Dương Mỹ Linh trên nữ sinh viên Trường Đại học Y Dược Cần Thơ (33,8%).[7] Sự chênh lệch này có thể xuất phát từ khác biệt về địa điểm và đối tượng nghiên cứu. Cụ thể, trong nghiên cứu của Dương Mỹ Linh, đối tượng là sinh viên ngành Y Dược, những người có hiểu biết cao hơn về tầm quan trọng của việc tiêm phòng. Bên cạnh đó, mức độ sẵn có của dịch vụ tiêm HPV, thông tin truyền thông về lợi ích của vắc xin và khả năng tiếp cận dịch vụ giữa các khu vực cũng có thể góp phần tạo ra sự khác biệt này.

Lý do phổ biến nhất khiến người dân không tiêm vắc xin HPV là "đã có quan hệ tình dục" (50,2%). Điều này phản ánh quan niệm sai lầm rằng vắc xin HPV chỉ dành cho những người chưa quan hệ tình dục. Các rào cản khác bao gồm chi phí tiêm chủng, hạn chế về thời gian, thiếu quan tâm hoặc cho rằng việc tiêm phòng không cần thiết. Điều này tương đồng với nghiên cứu của Trần Tú Nguyệt, trong đó việc tiếp cận các dịch vụ phòng ngừa ung thư cổ tử cung và chi phí tiêm chủng là những rào cản chính đối với đối tượng nghiên cứu.[4] Điều này cũng cho thấy, kiến thức có ảnh hưởng đến việc lựa chọn có tiêm ngừa hay không cho bản thân của đối tượng.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy kiến thức về HPV và tiêm vắc xin HPV của phụ nữ đến khám tại Bệnh

viện Đại học Y Hà Nội cao, nhưng tỷ lệ tiêm vắc xin HPV còn thấp. Để nâng cao hiệu quả phòng ngừa ung thư cổ tử cung, cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan y tế, chính sách hỗ trợ và hoạt động truyền thông giáo dục để tăng cường nhận thức và thúc đẩy thực hành tiêm chủng trong cộng đồng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Vũ, N.H., et al., THỰC TRẠNG TIÊM VẮC-XIN PHÒNG UNG THƯ CỔ TỬ CUNG CỦA NỮ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI NĂM 2022. Tạp chí Y học Việt Nam, 2023. 531(2).
- [2] Thị Thu Hương, B. and L. Minh Trọng, NGHIÊN CỨU TỶ LỆ NHIỄM HPV TYP NGUY CƠ CAO Ở BỆNH NHÂN TẠI BỆNH VIỆN TRUNG ƯƠNG THÁI NGUYÊN NĂM 2019 -2020. Tạp chí Y học Việt Nam, 2021. 498(2).
- [3] Bùi, T.K.T., et al., KIẾN THỨC VỀ PHÒNG NGỪA UNG THƯ CỔ TỬ CUNG Ở PHỤ NỮ 19-49 TUỔI TẠI QUẬN 10 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH. Tạp chí Y học Việt Nam, 2024. 543(3).
- [4] Trần, T.N., T.T. Lê, and T.T.N. Phan, KIẾN THỨC, THỰC HÀNH TIÊM VẮC XIN HPV PHÒNG NGỪA UNG THƯ CỔ TỬ CUNG VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở PHỤ NỮ 15-49 TUỔI TẠI THÀNH PHỐ CẦN THƠ NĂM 2020-2021. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2023(43): p. 264-271.
- [5] Nguyễn Thị Như Tú Thực trạng và hiệu quả can thiệp nâng cao kiến thức và thực hành phòng bệnh ung thư cổ tử cung của phụ nữ tỉnh Bình Định. 2019, Trường Đại học Y tế Công Cộng. .
- [6] Tran, B.X., et al., Knowledge, attitude, and practice on and willingness to pay for human papillomavirus vaccine: a cross-sectional study in Hanoi, Vietnam. Patient Prefer Adherence, 2018. 12: p. 945-954.
- [7] Dương, M.L., et al., KIẾN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ THỰC HÀNH TIÊM NGỪA VACCIN HPV Ở NỮ SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2022. Tạp chí Y Dược học Cần Thơ, 2024(71): p. 61-67.